

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N1, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1989; Nơi cư trú: Ấp CH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp LB, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2022, bản khai ngày 31 tháng 10 năm 2022, chị Nguyễn Thị N1 trình bày: Vào năm 2008, chị và anh Nguyễn Văn M cưới nhau, hôn nhân do tự tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì nhận thấy không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trở nên trầm trọng. Từ năm 2017 thì anh chị không còn chung sống với nhau. Nay nhận thấy rằng tình cảm giữa chị và anh M không còn vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên chị yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung: Chị và anh M chung sống có 02 con chung Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2009 và Nguyễn Ngọc An N2, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu An N2, còn giao cháu Bảo T cho anh M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Chị và anh M chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn M, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 15 tháng 11 năm 2022, cháu Nguyễn Thị Bảo T trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn M; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc An N2, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị N1 tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Chị N1 trình bày không có và anh M không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N1 và anh Nguyễn Văn M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N1 đối với anh Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị N1 thì cuộc sống của chị và anh M không hạnh phúc, không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trở nên trầm trọng, anh chị đã không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị N1 đối với anh M hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị N1 ly hôn với anh M.

[4] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị N1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc An N2, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016 và giao cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị N1 và anh M không còn sống chung và hiện nay thì cháu An N2 do chị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Bảo T do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng,

cháu Bảo T cũng có nguyện vọng muốn sống với ba và để ổn định việc sinh hoạt của các cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An N2 và anh M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N1 cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Nguyễn Văn M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N1, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N1 và anh Nguyễn Văn M.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị N1 được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc An N2, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016.

2.2. Anh Nguyễn Văn M được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2009.

2.3. Chị Nguyễn Thị N1 và anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004110 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LKB, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng